

An ninh chủ quyền biển của Việt Nam trên Biển Đông hiện nay

Phạm Xuân Hoàng^(*)

Nguyễn Thị Lan^(**)

Tóm tắt: *Biển Đông - vùng biển quan trọng của giao thương quốc tế - hiện đang diễn ra những tranh chấp gay gắt, nguyên do chủ yếu xuất phát từ tham vọng địa chính trị biển của Trung Quốc. Tình hình đó đang đặt ra những vấn đề về an ninh trên Biển Đông, không chỉ đối với các nước có liên quan trực tiếp đến tranh chấp mà còn đối với khu vực và quốc tế. Việt Nam là đối tượng chính bị tranh chấp biển, nên sự an nguy của Biển Đông ngày càng trở thành vấn đề quan trọng trong sự phát triển của quốc gia dân tộc. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chủ yếu đề cập đến một số nội dung đặt ra từ phương diện an ninh chủ quyền biển của Việt Nam ở Biển Đông hiện nay.*

Từ khóa: An ninh biển, Chủ quyền biển đảo, Biển Đông, Việt Nam

Abstract: *As a vital artery of international trade, the South China Sea has raised severe conflicts, mainly due to China's geopolitical ambitions. This situation is posing several security problems in the South China Sea, not only among the countries directly involved in the dispute but also for the region and the world. Vietnam has emerged as China's main rival in the South China Sea, therefore the maritime security has become an important issue for the development of the nation. The paper mainly discusses some issues arising on Vietnam's current situation of maritime sovereignty and security in the South China Sea*

Keyword: Maritime Security, Maritime Sovereignty, the South China Sea, Vietnam

1. Quan niệm về an ninh biển và an ninh chủ quyền biển

An ninh biển (maritime security), theo Christian Bueger (2015: 159), là một trong những thuật ngữ thông dụng mới

nhất của quan hệ quốc tế, tuy nhiên chưa có một quan niệm thống nhất trên phạm vi quốc tế về an ninh biển. Các tác giả Wu Shicun, Zou Kayuan (2009: 3) cho rằng, “Trong kỷ nguyên hiện đại, an ninh biển chủ yếu liên quan đến an toàn đi lại trên biển, các trấn áp tội phạm xuyên quốc gia trong đó có cướp biển và đảm bảo an ninh truyền thống, các vấn đề như an ninh môi

^(*) TS., Viện Thông tin Khoa học xã hội; Email: faxuho@gmail.com

^(**) ThS., Trường Đại học Kỹ thuật - Hậu cần Công an Nhân dân.

trường biển và cả việc tìm kiếm, cứu nạn trên biển”.

Theo chúng tôi, *an ninh biển* ngày nay phải được hiểu ở cấp độ rộng hơn, tức là bao hàm trong đó các nguy cơ đe dọa trên vùng biển và những gì đảm bảo sự an toàn của hoạt động khai thác nguồn lợi biển, thương mại biển, quản lý kinh tế biển và an ninh chủ quyền, an ninh quốc gia trên biển.

Còn *an ninh chủ quyền biển* có thể được hiểu là sự đảm bảo quyền chủ quyền của một quốc gia trên biển đối với lãnh hải và vùng trời, đáy biển và lòng đất dưới đáy biển của lãnh hải mà quốc gia đó được hưởng theo quy định của Công ước Liên Hợp Quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS 1982). Mọi sự xâm hại đến chủ quyền, quyền chủ quyền chính đáng trên biển của một quốc gia có biển đều là sự đe dọa an ninh chủ quyền biển của quốc gia đó.

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chủ yếu đề cập đến an ninh chủ quyền biển và sự bảo đảm an ninh chủ quyền biển của Việt Nam ở Biển Đông hiện nay. Tuy nhiên, ít nhiều cũng đặt an ninh chủ quyền biển trong mối liên quan với an ninh biển nói chung.

2. Biển Đông và tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông

Biển Đông (the South China Sea) nằm ở phía Tây Thái Bình Dương, là một biển nửa kín được bao bọc bởi 9 quốc gia và 1 vùng lãnh thổ gồm: Việt Nam, Trung Quốc, Philippines, Malaysia, Brunei, Indonesia, Thái Lan, Campuchia, Singapore và Đài Loan. Vùng biển này có các nhóm đảo gồm: quần đảo Đông Sa (Pratas Islands), quần đảo Hoàng Sa (Paracel Islands), quần đảo Trường Sa (Spratly Islands), bãi ngầm Macclesfield (Macclesfield Bank) và bãi cạn Scarborough (Scarborough Reef).

Biển Đông mang lại ba lợi ích to lớn chủ yếu:

Một là, lợi ích về thương mại đường biển (hàng hải).

Biển Đông là biển duy nhất nối liền Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, là nơi tập trung các tuyến hàng hải quốc tế quan trọng nhất, kiểm soát hơn một nửa lượng tàu thuyền toàn cầu. Khoảng 90% lượng hàng hóa của thế giới được chu chuyển qua đường biển, thì Biển Đông chiếm khoảng 45%. Mỗi ngày có từ 150 đến 200 tàu các loại qua lại Biển Đông (Ban Tuyên giáo Trung ương, 2013: 19). Tại khu vực Đông Nam Á, có hàng trăm cảng biển lớn nhỏ, trong đó cảng Singapore là cảng biển vào loại lớn và hiện đại bậc nhất của thế giới.

Hai là, các nguồn lợi tài nguyên tự nhiên.

Biển Đông có nguồn tài nguyên dồi dào, phong phú. Nơi đây được coi là bồn trũng chứa dầu khí lớn nhất thế giới. Theo đánh giá của Bộ Năng lượng Mỹ, lượng dự trữ dầu đã được kiểm chứng ở Biển Đông là 7 tỷ thùng với khả năng sản xuất 2,5 triệu thùng/ngày. Theo đánh giá của Trung Quốc, trữ lượng dầu khí ở Biển Đông khoảng 213 tỷ thùng, trong đó trữ lượng dầu tại quần đảo Trường Sa có thể lên tới 105 tỷ thùng (Dẫn theo: Ban Tuyên giáo Trung ương, 2013: 18, 19).

Vùng biển này được ví như “rừng mưa Amazon” dưới biển, với khoảng 3.000 loài hải sản sinh sống và được xác định là một trong 20 vùng biển có khả năng khai thác thủy sản tự nhiên và nuôi trồng thủy sản mặn - lợi lớn nhất thế giới. Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc (UNEP) khẳng định, Biển Đông cung cấp khoảng 12% lượng cá đánh bắt toàn cầu. Nguồn lợi thủy sản ở vùng biển này đã cung cấp thực phẩm và việc làm trực tiếp cho khoảng 3,7 triệu ngư dân và thu về

hàng tỷ USD mỗi năm, cũng như gián tiếp cho hàng triệu người dân ở 10 quốc gia và vùng lãnh thổ bao quanh (Nguyễn Chu Hòai, 2017). Ngoài ra, vùng biển này còn có lượng khí đốt và dầu đá phiến tương đối lớn, đáy biển có nhiều kim loại quý hiếm như coban, mangan. Theo tính toán của các chuyên gia Nga, Biển Đông còn chứa đựng tài nguyên khí đốt đóng băng và được coi là nguồn năng lượng thay thế dầu khí trong tương lai gần.

Ba là, vùng Biển Đông còn có những lợi thế địa chính trị - chiến lược quan trọng.

Các lợi thế địa chính trị - chiến lược là một trong những nguyên nhân chính gây nên tranh chấp Biển Đông. Với diện tích hơn 3,4 triệu km², nằm giữa vịnh đại châu Á - Thái Bình Dương, các đảo, quần đảo nằm trong vùng Biển Đông có ý nghĩa vô cùng quan trọng về chiến lược phòng thủ của mỗi quốc gia.

Trong các tuyến đường biển đóng vai trò chiến lược của châu Á, có hai điểm trọng yếu: *Điểm trọng yếu thứ nhất là eo biển Malacca* (nằm giữa đảo Sumatra của Indonesia và Malaysia). Vị trí này vô cùng quan trọng, vì tất cả tàu chở hàng hóa của các nước Đông Nam Á và Bắc Á phải đi qua. *Điểm trọng yếu thứ hai là vùng Biển Đông*, nơi có nhiều tuyến đường hàng hải đi qua, đặc biệt là khu vực xung quanh hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa của Việt Nam nằm ở trung tâm Biển Đông - khu vực có nhiều tuyến đường biển nhất trên thế giới, có thể sử dụng để kiểm soát các tuyến hàng hải qua lại ở Biển Đông và dùng cho mục đích quân sự, thiết lập sự hiện diện của nước lớn và kiểm soát lẫn nhau trên địa vực châu Á - Thái Bình Dương. Do có ý nghĩa kinh tế, địa chính trị - chiến lược quan trọng như vậy, nên từ lâu, Biển Đông đã trở thành địa bàn

tranh chấp giữa nhiều bên. Hiện nay cuộc tranh chấp đang diễn ra giữa Trung Quốc, Việt Nam, Philippines, Malaysia, Brunei, Indonesia, và Đài Loan - Trung Quốc, mà tác nhân chính là Trung Quốc, trọng tâm tranh chấp là tại quần đảo Trường Sa.

Các tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông giữa các quốc gia trong khu vực diễn ra từ sau Thế chiến II. Tuy nhiên cho đến nay, vào thập niên thứ hai của thế kỷ XXI, tranh chấp này vẫn chưa được giải quyết và đang bị đẩy lên thành xung đột khá trầm trọng, khó lường. Các sự kiện gây quan ngại sâu sắc trong quan hệ quốc tế đáng chú ý là: Vào năm 2009, Trung Quốc đệ trình Liên Hợp Quốc yêu sách đòi đường lưỡi bò 9 đoạn bao trùm lên đường cơ sở và vùng lãnh hải của Việt Nam, Indonesia, Philippines, Brunei; Trung Quốc cắt cáp tàu Bình Minh 02 của Việt Nam vào năm 2012; Năm 2014, Trung Quốc gây sóng gió với sự kiện giàn khoan HD981 trên cửa Vịnh Bắc bộ; Trong các năm 2014, 2015, 2016, Trung Quốc tiến hành bồi đắp, xây dựng đảo nhân tạo nhằm quân sự hóa và tiến tới âm mưu thành lập vùng nhận dạng phòng không (ADIZ) trên Biển Đông. Những vụ việc này đặt ra những mối nguy hại về an ninh, “có tầm quan trọng sống còn đối với Biển Đông” (Wu Shicun, Zou Kayuan, 2009: 3).

Ngoài Trung Quốc, Mỹ cũng là một nhân tố gia tăng căng thẳng trên Biển Đông khi tiếp tục các hoạt động tự do hàng hải trên vùng biển này. Năm 2017, Mỹ 4 lần tiến hành các hoạt động với danh nghĩa này, trong đó có những lần Mỹ tiến vào phạm vi 12 hải lý của đảo Đá Vành Khăn. Sự hiện diện của Mỹ có tính hai mặt khá rõ rệt: Một mặt kim tũa Trung Quốc trỗi dậy; mặt khác khiến Trung Quốc tìm cách đối phó với Mỹ. Thêm nữa, sau phán quyết của Tòa trọng tài (PLA), cũng có hiện tượng một số nước

trong và ngoài khu vực lợi dụng phán quyết của Tòa trọng tài để đơn phương hành động tăng cường xâm lấn phi pháp và chủ trương yêu sách đơn phương. Từ năm 2017 đến nay, Indonesia đã đặt tên một phần Biển Đông thành biển Bắc Nutuna, khẳng định chủ quyền của nước này trên Biển Đông, động thái được cho là nhằm chống lại tham vọng lãnh thổ của Trung Quốc ở khu vực.

3. Các thách thức đối với an ninh chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông và yêu cầu đặt ra về bảo đảm an ninh chủ quyền biển của Việt Nam

Việt Nam có 1 triệu km² vùng biển, với chiều dài đường biển 3.260 km, nằm trọn và chiếm gần 1/3 diện tích Biển Đông. Với vị trí địa chính trị rất quan trọng trong tiếp cận Đông Nam Á và giao thương quốc tế, cũng như phòng thủ, Việt Nam được nhiều nước lớn chú ý. Một số đảo thuộc hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa từ lâu đã bị Trung Quốc chiếm đóng. Không những thế, Trung Quốc còn tranh chấp với nhiều nước trong khu vực, làm cho tình hình an ninh trên Biển Đông trở nên bất ổn và phức tạp có tính khu vực và quốc tế. Các vấn đề an ninh trên Biển Đông của Việt Nam vì thế bị quy định bởi diễn tiến và mức độ xử lý các tranh chấp này.

Việt Nam là đối tượng chính trong tranh chấp các đảo và tài nguyên trên Biển Đông. Những tranh chấp Biển Đông mà chủ yếu do Trung Quốc đơn phương gây ra đã và đang tác động đến chủ quyền, quyền chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, quyền tài phán của Việt Nam trên Biển Đông, đương nhiên, các nguy cơ về an ninh được đặt ra một cách bức thiết.

Cho đến nay, trên Biển Đông, Việt Nam vẫn phải đối mặt với *bốn vấn đề lớn liên quan đến chủ quyền lãnh thổ chưa giải quyết được*, đó là: bảo vệ chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa; bảo vệ chủ quyền và

giải quyết hòa bình tranh chấp chủ quyền trên quần đảo Trường Sa giữa 5 nước 6 bên, gồm Việt Nam, Trung Quốc, Malaysia, Philippines, Brunei, Đài Loan (Trung Quốc); phân định ranh giới các vùng biển theo Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS 1982) và xác định ranh giới ngoài của vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa (Nguyễn Quang Đạm, 2015). Cùng với đó, những nhân tố, những hoạt động gây mất ổn định, xâm phạm chủ quyền, an ninh vùng biển Việt Nam vẫn đang diễn ra gay gắt.

Trong nhiều năm qua, *nhiều vụ việc diễn ra đã thách thức nghiêm trọng an ninh chủ quyền biển của Việt Nam trên Biển Đông*. Vụ việc Trung Quốc hạ đặt giàn khoan HD981 tại cửa Vịnh Bắc bộ thuộc chủ quyền Việt Nam vào tháng 5/2014 và hoạt động bồi đắp xây dựng đảo nhân tạo trong năm 2015, cũng như việc thiết lập nhiều mục tiêu dân sự và quân sự trên các đảo nhân tạo hiện nay cho thấy tham vọng không có điểm dừng của Trung Quốc. Việc Trung Quốc chiếm một số đảo, rạn san hô, xây đường băng, thực hiện kết hợp các mục tiêu dân sự và quân sự, trong đó khả năng “quân sự hóa” Biển Đông là rất cao. Tình hình đó đưa đến cho khu vực nhiều rủi ro tiềm tàng, đã đặt Việt Nam trong tình trạng căng thẳng và phải đương đầu với những tình huống khó đoán định. Nguy cơ về độ quân sự đặt ra ở mức độ cao, trong khi khả năng kiểm soát của Việt Nam trên Biển Đông còn hạn chế. Những hành vi leo thang ngang ngược bất chấp luật pháp quốc tế từ phía Trung Quốc đặt ra cho Việt Nam yêu cầu cấp thiết, sống còn là phải ưu tiên đảm bảo an ninh biển.

Theo Carl Thayer - Đại học Quốc phòng Australia, các hành động bồi đắp, xây dựng đảo của Trung Quốc đã có những sự đe dọa

đối với Việt Nam, đó là những đảo này mở rộng tầm với của Bắc Kinh cả về thương mại lẫn quân sự xuống tận phía Nam của Biển Đông. Trung Quốc sẽ có thể chủ động hành sự, hay phản ứng trước các sự cố nảy sinh tại chỗ một cách nhanh chóng hơn nhiều so với trước đây. Việt Nam sẽ còn ít thời gian chuẩn bị hơn để đáp trả. Chẳng hạn như, Trung Quốc có thể khởi động một chiến dịch phong tỏa các đảo đá mà Việt Nam đang kiểm soát tại Biển Đông, hoặc là bất ngờ đánh chiếm những tiền đồn nhỏ của Việt Nam mà Việt Nam không kịp báo động. Lực lượng quân sự Trung Quốc có thể duy trì các hành động trong khoảng thời gian dài hơn nhờ vật tư, nhiên liệu lưu trữ sẵn trên các hòn đảo nhân tạo, cũng như thông qua các cơ sở bảo trì, sửa chữa, y tế đã xây dựng (Dẫn theo: Trọng Nghĩa, 2015).

Ngoài ra còn những bất ổn khác nằm trong phạm trù an ninh phi truyền thống như ô nhiễm môi trường, nạn đánh bắt cá trộm trên biển, tình trạng mất an toàn hàng hải, v.v... ở mức độ nhất định đều có ảnh hưởng đến an ninh chủ quyền biển nói riêng, an ninh trên biển nói chung.

Tranh chấp Biển Đông hiện nay dù nằm ngoài mong muốn của Việt Nam, song các mối đe dọa đối với an ninh chủ quyền biển quốc gia đòi hỏi Đảng và Nhà nước phải chủ động tìm *phương cách bảo đảm an ninh chủ quyền trên vùng biển của Tổ quốc*. Cụ thể, một số khía cạnh cần quan tâm hiện nay là:

i) *Tìm kiếm các giải pháp hữu hiệu để bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia trên biển*

Thứ nhất, tranh thủ dư luận quốc tế về vấn đề Biển Đông. Việt Nam đã nhiều lần đề cập đến quốc tế hóa vấn đề Biển Đông để tranh thủ quốc tế kiểm tỏa Trung Quốc. Đó là một hướng đi đúng, tuy nhiên còn

gặp nhiều phản đối từ phía Trung Quốc. Trung Quốc luôn chủ trương đàm phán song phương, không muốn quốc tế hóa vấn đề Biển Đông bởi lo ngại bất lợi cho mình.

Tuy nhiên, vấn đề càng phức tạp, Việt Nam càng cần sử dụng tối đa kênh ngoại giao để tranh thủ sự đồng thuận của quốc tế đối với Việt Nam và gia tăng sức ép quốc tế đối với Trung Quốc. Không ít ý kiến chuyên gia cho rằng, để không bị Trung Quốc chèn ép trong các yêu cầu đòi giải quyết song phương vấn đề Biển Đông, Việt Nam cần cho thế giới biết các căn cứ hợp lý của mình, phơi bày sự vô lối của Trung Quốc, tranh thủ tối đa sự ủng hộ của dư luận quốc tế đối với vấn đề này.

Để thế giới hiểu đúng, biết rõ về lập trường của Việt Nam, các hoạt động đối ngoại đa phương, các kênh thông tin phải được huy động tối đa; phải tiến hành thường xuyên liên tục, có bài bản về chủ quyền biển đảo của Việt Nam trên Biển Đông. Luôn khẳng định lập trường chính nghĩa quốc gia trong việc bảo vệ chủ quyền chính đáng lâu đời của quốc gia dân tộc.

Thứ hai, tăng cường sức mạnh quân sự và tranh thủ nguồn lực của các nước lớn có quan tâm đến an ninh Biển Đông

Để đảm bảo an ninh chiến lược, Việt Nam phải tăng cường đầu tư lực lượng hải quân đủ mạnh với khí tài ngày càng hiện đại vừa chấp pháp vừa bảo vệ chủ quyền biển đảo trên thực tế. Cùng với đó, Việt Nam cần tranh thủ tối đa sự quan tâm của các nước lớn đối với Biển Đông, đặc biệt là Mỹ. Hiện nay có nhiều nước lớn có mối quan tâm đối với Biển Đông trên những phương diện khác nhau, trong đó trọng tâm là an ninh hàng hải và an toàn trên biển. Một số nước đã có cơ chế hỗ trợ an ninh hàng hải, các sáng kiến hàng hải, đáng chú ý là Nhật Bản, Mỹ, Australia và châu Âu.

Mỹ xác định mình có lợi ích ở Biển Đông và với tư cách một nước lớn hiện diện ở khu vực, Mỹ luôn muốn thể hiện vai trò bá chủ của mình. Hiện Mỹ đang tiếp cận khu vực này trên một bình diện mở rộng hơn, không chỉ là châu Á - Thái Bình Dương mà là Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. Trên thế giới khó có nước nào khác ngoài Mỹ có khả năng kìm tỏa Trung Quốc ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương nói chung, trên Biển Đông nói riêng. Tuy nhiên, từ lâu mối quan hệ Mỹ - Trung đối với khu vực thường là đối trọng lẫn nhau. Do vậy, sự thận trọng của Việt Nam trong cân bằng quan hệ Trung - Mỹ là cần thiết. Theo nhà nghiên cứu người Nga G.M. Lokshin, “Đối với Việt Nam, cần có thái độ kiềm chế và cách tiếp cận ngoại giao, vừa từng bước thúc đẩy củng cố quan hệ với Mỹ, nhưng đồng thời vừa phải giữ lập trường đúng mực với Trung Quốc” (G.M. Lolshin, 2015: 188).

Ngoài Mỹ, Nhật Bản và Nga, châu Âu cũng có mối quan tâm nhất định đến khu vực châu Á - Thái Bình Dương, dự báo trong tương lai sự can dự vào vấn đề Biển Đông sẽ còn ở mức độ sâu sắc và cụ thể hơn.

Biển Đông đã trở thành khu vực quan tâm của nhiều quốc gia trên thế giới, kể cả quốc gia có tranh chấp chủ quyền và quốc gia có lợi ích ở mức độ nhất định trên vùng biển này. Do vậy, “phải tạo ra tình trạng đan xen lợi ích giữa Việt Nam và các đối tác ta có quan hệ” (Phạm Bình Minh, 2016: 42), để hạn chế khả năng xấu đối với chúng ta khi nước lớn thỏa hiệp hay đấu tranh với nhau.

Thứ ba, chuẩn bị giải pháp pháp lý: Sự kiện giàn khoan HD981 năm 2014 đã đặt ra yêu cầu cần giải quyết vấn đề ở khía cạnh pháp lý. Có không ít chuyên gia pháp lý đặt vấn đề khởi kiện Trung Quốc ra Tòa án quốc tế. Tuy nhiên, để làm được điều

này là không dễ dàng. Việt Nam phải tính toán khôn khéo việc có kiện hay không, kiện thời điểm nào, hay có thể giải quyết bằng con đường nào tốt hơn. Việc khởi kiện chỉ là bắt buộc dĩ và phải chuẩn bị hết sức kỹ càng.

Tháng 9/2017, Hội nghị quốc tế lần thứ 3 về an ninh và hợp tác ở Biển Đông do Viện Đông phương học (Viện Hàn lâm Khoa học Nga) tổ chức đã lưu ý 6 giải pháp các bên cần quan tâm để thúc đẩy giải quyết vấn đề Biển Đông, trong đó khuyến nghị: Các bên cần nhanh chóng ký kết Bộ Quy tắc ứng xử của các bên ở Biển Đông (COC); Các bên cần tích cực tiến hành các cuộc đàm phán song phương và đa phương để sớm tìm ra hướng giải quyết, đồng thời kêu gọi Liên minh châu Âu và các quốc gia như Australia, Nga và Ấn Độ cùng tham gia vào tiến trình giải quyết cuộc xung đột.

Hiện nay, Việt Nam chủ yếu dựa trên cơ sở tinh thần Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật Biển năm 1982 và Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở biển Đông (DOC năm 2002) để đấu tranh đòi Trung Quốc phải tuân thủ. Đó cũng là thái độ hợp lý mà nhiều kết quả nghiên cứu về tranh chấp Biển Đông cũng như nhiều nước có mối quan tâm đến tranh chấp Biển Đông đề xuất đối với các bên tranh chấp trong nhiều năm qua. Việt Nam trước sau cần tiếp tục kiên trì thái độ này.

ii) Phải đảm bảo cho được an toàn trên biển để phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ quyền làm chủ trên biển: bảo vệ vùng biển và vùng trời trên biển, vùng mặt nước và vùng đáy biển; bảo vệ quyền khai thác hải sản của ngư dân, cũng như an toàn sinh kế của các cộng đồng dân cư ven biển....; bảo vệ được môi trường gần cũng như ở vùng xa khơi. Ô nhiễm môi trường biển cũng đang là vấn đề đáng quan

tâm bên cạnh câu chuyện tranh chấp chủ quyền. Tình trạng ô nhiễm Biển Đông đến từ nhiều nguyên nhân. Những nguyên nhân dễ nhận thấy là nạn tràn dầu, việc xả rác thải công nghiệp và sinh hoạt ra biển, đó cũng là những mặt trái về môi trường của các dự án kinh tế ven biển và không loại trừ nguyên nhân phá hoại có chủ ý vùng đánh cá của ngư dân. Tình trạng này đòi hỏi Chính phủ và các địa phương phải hết sức cảnh giác và có những giải pháp xử lý hiệu quả.

iii) *Giữ gìn và phát huy “văn hóa biển” để góp phần giáo dục, nâng cao ý thức về chủ quyền biển đảo quốc gia; đồng thời thúc đẩy “học thuật hóa” Biển Đông, hình thành cơ sở lý thuyết về địa chính trị Biển Đông.*

Trong thời kỳ phong kiến, do điều kiện lịch sử cụ thể, công cuộc khai phá và chiếm hữu biển của người Việt còn ở trình độ hạn chế. Người Việt chú trọng vào thực tế khai thác nguồn lợi biển và chưa có một tầm nhìn xa rộng về biển. Văn hóa địa chính trị biển chưa được chú ý đúng tầm. Do vậy, hiện nay, để nâng cao năng lực làm chủ biển trong bối cảnh có tranh chấp, Việt Nam cần tập trung đầu tư vào những nghiên cứu khoa học về biển, sưu tầm xây dựng cơ sở dữ liệu về văn hóa biển, tôn tạo và phục dựng các lễ hội dân gian vùng biển, v.v... để nâng cao ý thức giữ gìn và phát huy sức mạnh biển, phát huy lợi thế biển của quốc gia biển. Đồng thời phải coi Biển Đông là một đối tượng của khoa học, trong đó có sự chú trọng nghiên cứu Biển Đông từ góc nhìn khoa học chính trị để giải quyết các vấn đề an ninh và quan hệ quốc tế trên biển. Mục tiêu tối cao của các giải pháp là phải bảo vệ cho được chủ quyền biển và lợi ích quốc gia trên Biển Đông, đồng thời góp phần giữ gìn sự ổn định an ninh trong khu vực □

Tài liệu tham khảo

1. Ban Tuyên giáo Trung ương (2013), *100 câu hỏi - đáp về biển, đảo dành cho tuổi trẻ Việt Nam*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
2. Christian Bueger (2015), “What is maritime security?”, *Marine Policy*, Volume 53, March, p.159, <http://www.sciencedirect.com>.
3. Nguyễn Quang Đạm (2015), *Một số chủ trương, giải pháp quản lý, bảo vệ biển đảo trong tình hình mới*, <http://canhsatbien.vn/portal/chi-dao-huong-dan/mot-so-chu-truong-giai-phap-quan-ly-bao-ve-bien-dao-trong-tinh-hinh-moi>, truy cập ngày 10/4/2018.
4. Nguyễn Chu Hồi (2017), *An ninh nghề cá vì một Biển Đông xanh*, www.thuysanvietnam.com.vn/an-ninh-nghe-ca-vi-mot-bien-dong-xanh-article-17027.tsvn, truy cập ngày 14/4/2018.
5. G.M. Lolshin (2015), *Biển Đông - cuộc tìm kiếm đồng thuận nan giải*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Phạm Bình Minh (2016), “Vấn đề đan xen lợi ích giữa Mỹ và Trung Quốc ở châu Á - Thái Bình Dương: Nhận thức và đối sách của chúng ta trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế*, số 4 (12).
7. Trọng Nghĩa (2015), *Biển Đông: thế trận đảo nhân tạo của Trung Quốc đe dọa Việt Nam*, <http://vi.rfi.fr/viet-nam/20150302-bien-dong-viet-nam-va-cac-de-doa-tu-the-tran-dao-nhan-tao-trung-quoc>, truy cập ngày 15/12/2017.
8. Wu Shicun, Zou Kayuan (Edited, 2009), *Maritime security in the South China Sea: Regional implications and international cooperation*, Ashgate Publishing, Burlington.